

**DANH SÁCH HOÀN TIỀN CTKM TẠI HỆ THỐNG CO.OPMART, CO.OPXTRA  
TỪ 18/05 -14/07/2019**

STT	SỐ THẺ CHÍNH	TÊN CHỦ THẺ CHÍNH	SỐ TIỀN HOÀN
1	5119xxxx8102	LE THI HOAN	207,217
2	5119xxxx2113	PHAM THI LAN THAO	182,600
3	5119xxxx3100	BUI THI YEN	80,300
4	5171xxxx7106	DOAN THI LY	56,224
5	5119xxxx1104	TRAN THI NGOC BICH	55,932
6	5119xxxx3109	NGUYEN THI THU NGA	60,918
7	5119xxxx1109	VU THI MY HANH	84,270
8	5119xxxx2108	TRAN THI HONG LOAN	66,745
9	5119xxxx4102	NGHIEM THI XUAN BINH	61,985
10	5119xxxx1108	DAO NU BICH LAN	100,000
11	5119xxxx9124	TRAN THI THU THUY	142,318
12	5119xxxx6119	LU NGOC CHAU	100,000
13	5174xxxx5106	QUACH LAN HUONG	400,000
14	5119xxxx6107	NGUYEN THI KIM YEN	50,095
15	5171xxxx6109	TU VAN TUAN	124,430
16	5119xxxx3108	NGUYEN THI TUYET TRINH	127,490
17	5119xxxx6106	MAI THUY DUONG	76,443
18	5119xxxx4106	NGUYEN VAN NAM	63,134
19	5119xxxx8103	PHAN THO	52,069
20	5119xxxx9100	NGUYEN QUOC TOAN	89,935
21	5119xxxx9114	NGUYEN THI HONG HOA	143,833
22	5119xxxx2102	DANG THI VIET HOA	68,180
23	5171xxxx4107	LE THI DAO	64,844
24	5119xxxx6106	LAM XUAN HAI	60,005
25	5171xxxx6109	TRINH THI DIEP THUY	65,965
26	5119xxxx9104	NGUYEN THI CAM TU	252,004
27	5171xxxx6104	TRAN KIM CHI	100,000
28	5171xxxx1101	NGUYEN PHU LOC	52,042
29	5119xxxx0101	DO THI TUYEN	114,552
30	5119xxxx1109	LE KIEU NGA	54,556
31	5119xxxx2107	LE KHANH TUAN	100,000
32	5119xxxx6109	CAO THI HUONG	66,764
33	5174xxxx1103	NGUYEN PHUONG ANH	197,937
34	5171xxxx5107	TRINH THI THU HUONG	50,181
35	5119xxxx1109	DINH THI PHAN	95,420
36	5119xxxx1103	HOANG THI PHI NGA	88,366
37	5119xxxx0104	THAI THI KIM NHUT	97,914
38	5171xxxx2105	PHAM NGOC ANH	86,024
39	5119xxxx1118	NGUYEN THI THANH BIN	100,000
40	5119xxxx9111	TO BACH PHUONG	64,687
41	5171xxxx2104	BUI TRONG HA	100,000
42	5119xxxx4101	BUI THI NGUYET NGA	50,213
43	5119xxxx8112	NGUYEN MINH THANH	50,903
44	5171xxxx5107	CHIEM THI VAN HANG	73,985
45	5119xxxx3104	HOANG HOAI CHAU	51,081
46	5171xxxx1102	HA TRONG HOI	100,000
47	5174xxxx7101	DOAN VAN THUONG	105,444
48	5171xxxx7109	DANG THI HUONG LAN	60,396
49	5119xxxx3106	NGUYEN THI KIM KHUYEN	110,425
50	5119xxxx4105	TRAN VAN HUNG	86,544
51	5119xxxx0109	LE THI THANH	95,653
52	5119xxxx0109	LE HONG HA	63,483

53	5119xxxx1103	ZHENG SHI XIN	100,000
54	5119xxxx8103	PHAN THI DIEU HIEN	146,178
55	5119xxxx1107	TRAN THI TUYET HIEN	93,545
56	5119xxxx7107	LU NGOC NGA	100,000
57	5119xxxx2103	DO THI NGOC TRUC	53,540
58	5119xxxx1100	MAI PHUONG NHANH	62,725
59	5119xxxx2108	NGUYEN THI PHUONG	80,409
60	5119xxxx4100	DANG KIM DUNG	113,692
61	5171xxxx1103	NGUYEN THI BICH QUY	56,282
62	5119xxxx8104	TRAN THIEN KHAI	100,000
63	5119xxxx0115	NGUYEN THI ANH TUYET	116,219
64	5171xxxx4105	NGUYEN THI ANH THAO	64,880
65	5119xxxx7118	PHAM TU PHUONG	70,158
66	5119xxxx0112	DUONG THI HONG TY	124,909
67	5119xxxx4101	NGUYEN THI HONG THUY	66,324
68	5171xxxx6108	NGUYEN THI HOA	100,000
69	5119xxxx0102	HOANG VAN HOAN	50,925
70	5119xxxx5100	BIEN TAN MAN	60,045
71	5119xxxx0102	CHAU NGUYEN DAN TRUN	60,185
72	5119xxxx4102	NGUYEN VAN CONG	200,000
73	5119xxxx4104	PHAN VAN DIEN	186,149
74	5119xxxx2101	PHAM VAN LUONG	188,955
75	5119xxxx0101	THIEU HOANG PHUONG	100,000
76	5119xxxx7108	NGUYEN THI HANG	53,591
77	5171xxxx0106	THAI THI NGOC DIEP	200,000
78	5119xxxx9108	TRAN THI THU HUONG	53,082
79	5119xxxx7107	NGUYEN NHAT LINH	68,725
80	5119xxxx1107	NGUYEN THI HOANG SA	61,605
81	5119xxxx7108	NGUYEN THI DINH	98,698
82	5119xxxx2109	NGUYEN HOANG NGA	51,759
83	5119xxxx4116	NGUYEN QUANG	71,319
84	5119xxxx4119	DANG MINH HAI	184,225
85	5119xxxx5107	HOANG THI BICH HUONG	70,833
86	5119xxxx8117	HUYNH DUY VIET	100,000
87	5119xxxx9109	BUI THE LUC	50,000
88	5119xxxx8108	HO THI GIOI	73,430
89	5119xxxx6104	DANG THI MINH THUAN	57,758
90	5119xxxx9101	DO OANH HONG THUY	67,861
91	5119xxxx9105	TRAN NGUYEN QUYNH NH	50,544
92	5119xxxx4109	NGUYEN NGOC TAN	77,295
93	5119xxxx1105	NGUYEN THI MINH YEN	58,361
94	5119xxxx3103	PHAN ANH TUAN	55,250
95	5119xxxx6100	DINH THI NGOC ANH	50,090
96	5119xxxx8101	NGUYEN THI MINH DUYEN	100,000
97	5119xxxx2108	NGUYEN THI HUONG	51,275
98	5119xxxx3108	PHAM THI THU HA	59,313
99	5119xxxx6102	CHAU THI SUONG LAN	158,046
100	5119xxxx2102	NGUYEN THI YEN	138,730
101	5119xxxx3100	HUYNH LE BANG	56,926
102	5119xxxx7114	TRAN LUONG LUAN	100,000
103	5119xxxx9102	HO THI HOAI	60,330
104	5171xxxx2103	NGUYEN THI TRANG	50,737
105	5171xxxx1106	NGUYEN PHAN QUYNH TR	100,000
106	5119xxxx6103	TRAN NGOC TIEN	81,068
107	5119xxxx1104	HOANG THI NGA	63,280

108	5171xxxx2105	NGUYEN THI MINH HIEN	62,110
109	5171xxxx4103	NGUYEN HONG THAM	50,580
110	5119xxxx2107	PHAM NGOC SON	70,613
111	5119xxxx8105	NGUYEN THI NGOC BICH	82,675
112	5171xxxx0104	LE THI CAM BINH	64,336
113	5119xxxx5125	NGUYEN LOI	100,000
114	5171xxxx6105	TRAN HUYEN TRANG	80,325
115	5119xxxx3102	TRAN NAM NHA	85,433
116	5119xxxx4111	HOANG THI THUY NGA	100,000
117	5119xxxx1100	TRAN HOANG MY	84,008
118	5119xxxx7103	VUU TRUC NHU	92,400
119	5119xxxx5114	QUACH SO KIET	57,150
120	5119xxxx7107	DANG THANH SONG	56,624
121	5119xxxx4107	TRAN THI THANH NHO	100,000
122	5119xxxx4116	HO THI NGA	96,700
123	5119xxxx6106	NGUYEN KY THIEN BAO	59,239
124	5171xxxx0101	CAO THI LUU	52,569
125	5119xxxx2101	DINH NGOC THANH HUYEN	62,615
126	5119xxxx8103	NGUYEN VAN QUANG	100,000
127	5119xxxx4105	TRAN THI MY THUAN	54,305
128	5171xxxx0116	LUONG THI HONG HA	100,000
129	5119xxxx6104	NGUYEN THI THUY VAN	86,142
130	5119xxxx3107	DUONG THI ANH TUYET	100,000
131	5171xxxx6102	PHAM HOANG THANH	68,001
132	5171xxxx6126	DOAN MINH DUC	51,085
133	5119xxxx1102	NGUYEN THANH TUNG	70,744
134	5119xxxx5102	VU THI VINH	95,000
135	5119xxxx0102	TRAN NGOC HA	100,000
136	5119xxxx9113	NGUYEN THI HONG VAN	54,660
137	5171xxxx6109	PHAN NGOC PHAN	61,230
138	5119xxxx5105	HO THI THANH TUYEN	73,940
139	5119xxxx2101	TRAN CONG QUAN	100,000
140	5171xxxx0105	NGUYEN NGOC TU	70,526
141	5119xxxx7106	DUONG VAN NAM	66,538
142	5119xxxx9105	HUYNH THI HANG NGA	87,576
143	5171xxxx6106	VO THUY TRAN	71,672
144	5119xxxx3105	LE THI NGOC BICH	57,030
145	5119xxxx2112	THO AN HIEN	52,315
146	5119xxxx6107	LUONG THI THANH	74,780
147	5171xxxx8109	HO THI THUY NHUNG	68,280
148	5171xxxx3114	KAI THI HOANG LINH	55,581
149	5119xxxx3104	TRAN VI DO QUYEN	100,000
150	5119xxxx6105	LY ANH TIEN	50,923
151	5119xxxx0109	NGUYEN DIEU ANH	104,597
152	5119xxxx0106	DINH THI NHU THUY	100,000
153	5171xxxx8109	NGUYEN TRAN TIEN	51,300
154	5119xxxx3109	TRAN TRUONG NGUYEN	60,565
155	5119xxxx3102	TRAN DUC NGUYEN	67,910
156	5119xxxx5106	HUYNH THI BICH THUY	50,475
157	5171xxxx3101	BUI THI PHUONG THAO	67,762
158	5119xxxx3100	NGUYEN THI THANH THUY	87,375
159	5119xxxx9103	PHAM THI XUAN PHUONG	52,621
160	5119xxxx8107	NGUYEN QUANG KHAI	100,000
161	5171xxxx8107	DO TUONG VI	50,555
162	5119xxxx0105	NGUYEN THI DIEM HUONG	157,510

163	5119xxxx0105	NGUYEN DINH NAM TUYEN	139,790
164	5119xxxx5101	TRAN VU THAI	138,789
165	5119xxxx5111	TRAM QUOC TUAN	57,481
166	5119xxxx4103	NGUYEN THI THU KIEU	83,724
167	5119xxxx8107	VO THI BICH SEN	52,735
168	5119xxxx2103	LAM MINH KHANH	80,376
169	5119xxxx6103	NGUYEN VIET HOANG	76,052
170	5171xxxx1105	HO THI KIM NGAN	100,000
171	5119xxxx2108	NGUYEN THI KIM HOA	59,000
172	5119xxxx8107	NGUYEN VAN HUNG	54,880
173	5119xxxx5102	LO SIU COONG	50,353
174	5119xxxx0103	NGUYEN VAN YEN	62,284
175	5119xxxx6103	LE THI NGOC DUNG	72,865
176	5119xxxx5104	TRAN DANG MINH	64,775
177	5119xxxx7101	DONG XUAN HUNG	77,968
178	5171xxxx0103	PHAM THI REN CA	54,920
179	5171xxxx4107	NGUYEN HOANG MINH	68,514
180	5171xxxx1103	HO NGUYEN THI HONG NHU	100,000
181	5119xxxx0106	NGUYEN DANG Y DUOC	50,440
182	5119xxxx2107	NGUYEN THI KIM ANH	53,090
183	5119xxxx3108	VU THI HONG NHUNG	55,728
184	5119xxxx0107	MAI VAN LONG	61,375
185	5171xxxx3100	NGUYEN THI LAN QUYNH	67,844
186	5119xxxx4102	LE NGOC DUYEN	53,830
187	5119xxxx2102	VO QUOC VINH	50,000
188	5119xxxx9106	HOANG MAI LINH	113,227
189	5119xxxx8103	NGUYEN THI MINH NGUYET	82,749
190	5119xxxx3106	CHANG SHIH CHIEH	100,000
191	5119xxxx2105	NGUYEN TIEN BINH	54,435
192	5119xxxx6101	PHAM TRUNG KIEN	57,934
193	5171xxxx7109	NGUYEN DUC HAU	90,075
194	5171xxxx8101	PHAN THANH HOANG	53,380
195	5119xxxx2103	NGUYEN THI DUONG	97,235
196	5119xxxx2116	NGUYEN NGOC KHANH HANG	69,264
197	5119xxxx8105	VU THI HOANG GIANG	50,158
198	5171xxxx1100	NGO BA DANG	113,756
199	5119xxxx4109	TRUONG THI HONG HANH	50,555
200	5171xxxx6109	NGUYEN THE MAI HAN	80,850
201	5119xxxx9108	NGUYEN THI KIM HOA	80,244
202	5119xxxx0105	HO THI KIM XUAN	51,305
203	5119xxxx1107	HUYNH THAI HUONG	100,000
204	5171xxxx7107	NGUYEN THI TUYET LAN	80,742
205	5119xxxx8103	NGUYEN HOAI NAM	67,325
206	5119xxxx6103	HUYNH NGUYET HONG	51,662
207	5171xxxx2109	LE THI TUYET VAN	59,142
208	5119xxxx3100	DOAN THI LAM HUONG	207,125
209	5171xxxx1108	NGUYEN DINH HIEN	100,000
210	5119xxxx2102	DOAN THI HONG LINH	474,000
211	5119xxxx7109	NGUYEN THI THANH TAM	194,079
212	5119xxxx5108	PHAM HUYNH THAO PHUONG	65,040
213	5119xxxx7109	NGUYEN VIET TUAN	50,400
214	5119xxxx4106	NGUYEN THI PHU GIA	100,000
215	5171xxxx0105	LE THI HONG NHUNG	100,000
216	5171xxxx3109	LE THI HA	70,336
217	5171xxxx6103	NGUYEN THI SONG MAI	50,700

218	5119xxxx0107	TRUONG THUY TRANG	50,061
219	5119xxxx3105	CHUNG THI DEM	58,940
220	5174xxxx9100	DUONG THAI SON	500,000
221	5119xxxx0107	NGO THI TO UYEN	67,861
222	5119xxxx6121	NGUYEN QUOC KIET	56,995
223	5119xxxx2105	NGUYEN THI NGOC DUYEN	60,526
224	5119xxxx2105	NGUYEN BAO YEN BINH	53,805
225	5119xxxx7103	NGUYEN THI MY THUAN	52,561
226	5119xxxx2102	TA THI TUYET MAI	305,537
227	5119xxxx9106	BUI THI UT	73,455
228	5119xxxx9114	PHAM THI KHANH LY	190,399
229	5119xxxx2106	DUONG THI NGUYET THU	53,226
230	5119xxxx6103	TRAN THI THANH THUY	209,820
231	5119xxxx3104	VO NGUYEN NAM PHUONG	52,664
232	5171xxxx1100	PHAM VAN HAI	100,000
233	5119xxxx3106	TRUONG THI KIEU OANH	77,138
234	5171xxxx7101	NGUYEN THI XUAN TRANG	50,010
235	5119xxxx6105	NGUYEN HUNG LAM	50,706
236	5119xxxx0103	PHAM HUNG CUONG	100,000
237	5119xxxx0100	LE ANH QUANG	113,637
238	5171xxxx2102	TU MY LINH	51,115
239	5119xxxx4107	NGUYEN THI BICH VAN	100,000
240	5119xxxx9103	LUU KIM NGA	200,000
241	5171xxxx6102	TRAN THI PHUONG CHAM	52,810
242	5119xxxx3107	LE THI THUY LIEU	69,652
243	5171xxxx5108	NGUYEN THI THUY TIEN	137,291
244	5119xxxx7116	NGUYEN THI HUONG NGOC	143,281
245	5119xxxx3107	LE HUYNH DIEU TRI	100,000
246	5171xxxx9102	VU VAN TINH	62,500
247	5119xxxx1103	NGUYEN THI THANH MY	100,000
248	5119xxxx9103	TU CONG TRINH	82,145
249	5119xxxx0104	ZHOU LI	100,000
250	5171xxxx4108	LY MINH NGOC	500,000
251	5171xxxx9106	THAI HUU NAM	100,000
252	5119xxxx5109	MAI VAN SANG	80,630
253	5119xxxx0109	NGUYEN HUU PHUONG	165,146
254	5171xxxx2103	DO THI CAM VAN	52,145
255	5119xxxx2107	NGUYEN THI HOI	138,549
256	5119xxxx5106	DINH THU OANH	75,252
257	5119xxxx2101	LE DUC LOI	55,624
258	5119xxxx8111	PHAM THI TUYET PHUONG	100,000
259	5119xxxx4100	LE VAN NGUYEN	500,000
260	5119xxxx4105	DOAN PHO	500,000
261	5171xxxx1107	TRAN THI THU TRANG	120,392
262	5171xxxx8100	PHAM THI HAI YEN	52,165
263	5119xxxx3104	NGUYEN THI THUY DUNG	56,395
264	5171xxxx3100	NGUYEN THI MY LINH	57,545
265	5119xxxx4101	DAO BINH PHUONG	60,559
266	5119xxxx8100	NGUYEN THI VAN ANH	64,985
267	5171xxxx3101	DOAN THI HONG THUY	63,762
268	5171xxxx4101	DO THI ANH NHI	86,470
269	5171xxxx3102	NGUYEN THI THANH HUONG	182,416
270	5171xxxx5109	NGO THI KIM CUONG	58,850
271	5171xxxx4107	EMMANUEL ANTON	86,435
272	5119xxxx4105	NGUYEN KIM HANG	86,079

273	5174xxxx8109	NGUYEN THANH LIEM	110,610
274	5119xxxx7103	BUI THI KIEU	94,130
275	5119xxxx3104	MATHUNJWA ZITHELO	51,360
276	5119xxxx0103	MAI THI NGUYET HA	51,815
277	5119xxxx7108	NGUYEN KHAI KHOA	50,740
278	5119xxxx5100	NGUYEN MANH HA	53,390
279	5171xxxx6108	LE HAI QUYEN QUYNH ANH	143,143
280	5119xxxx3105	NGUYEN HUU QUAN	56,770
281	5171xxxx7109	NGUYEN THANH PHUONG QUYEN	61,302
282	5119xxxx9100	KUO CHE HAO	100,000
283	5119xxxx6102	NGUYEN THI HONG NHUNG	57,840
284	5171xxxx1108	PHAM THI TAM	100,000
285	5119xxxx1106	SABA KHAIS	62,358